Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 374/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

Hướng dẫn thực hiện đấu thầu theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và các văn kiện liên quan có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 102/2020/QH14 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP của Chính phủ phê duyệt Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện đấu thầu theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hoạt động lựa chọn nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi là Hiệp định CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (sau đây gọi là Hiệp định EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (sau đây gọi là Hiệp định UKVFTA) đối với gói thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có giá gói thầu bằng hoặc cao hơn ngưỡng giá quy định tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này;

b) Thuộc dự án, dự toán của cơ quan mua sắm được liệt kê tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này;

c) Cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc kết hợp hàng hóa và dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này;

d) Không thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này và các trường hợp loại trừ nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này.

2. Nghị định này không áp dụng đối với:

a) Các hoạt động chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, mua hoặc thuê nhà, trụ sở, bất động sản hoặc các quyền liên quan đến các hoạt động này;

b) Các thỏa thuận không hình thành hợp đồng; các khoản hỗ trợ của Chính phủ, cơ quan mua sắm bao gồm: thỏa thuận hợp tác, viện trợ không hoàn lại, khoản vay, huy động vốn bằng cổ phiếu, khoản bảo lãnh, trợ cấp, ưu đãi tài chính và thỏa thuận tài trợ;

c) Các dịch vụ lưu ký hoặc ủy thác tài chính; các dịch vụ thanh toán nợ và quản lý đối với các tổ chức tín dụng; các dịch vụ liên quan đến bán, mua lại và phân bổ nợ công, bao gồm các khoản vay và trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá và các chứng khoán khác;

d) Gói thầu thuộc một trong các trường hợp sau:

Gói thầu của cơ quan mua sắm nhằm cung cấp hỗ trợ quốc tế bao gồm cả viện trợ phát triển;

Gói thầu được tài trợ bởi tổ chức quốc tế hoặc sử dụng viện trợ không hoàn lại, khoản vay, hỗ trợ khác từ nước ngoài hoặc quốc tế có yêu cầu áp dụng các quy định hoặc điều kiện về lựa chọn nhà thầu của tổ chức, nhà tài trợ quốc tế đó. Trường hợp các quy định về lựa chọn nhà thầu của tổ chức hay nhà tài trợ quốc tế không hạn chế sự tham dự của các nhà thầu, việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy định tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này;

Gói thầu được thực hiện theo quy định cụ thể của một thỏa thuận quốc tế liên quan đến việc đóng quân hoặc việc các Nước thành viên cùng triển khai một dự án;

đ) Gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc dịch vụ để sử dụng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam;

e) Gói thầu cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu liên quan đến mua sắm vũ khí, đạn dược, khí tài chiến tranh, bí mật nhà nước; gói thầu cần thực hiện nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh.

3. Gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo các Phụ lục kèm theo Nghị định này gồm:

a) Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA thì thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Đối với gói thầu chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP thì thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

c) Đối với gói thầu chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA thì thực hiện theo Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan mua sắm là cơ quan, tổ chức được liệt kê tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này được giao làm chủ đầu tư của dự án, dự toán mua sắm.

2. Nước thành viên là quốc gia, vùng lãnh thổ đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Ký kết Hiệp định CPTPP ngày 08 tháng 3 năm 2018; đối với quốc gia, vùng lãnh thổ ký kết Hiệp định CPTPP sau ngày 08 tháng 3 năm 2018 thì Hiệp định CPTPP đã có hiệu lực với quốc gia, vùng lãnh thổ đó và Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường mua sắm công với quốc gia, vùng lãnh thổ này (sau đây gọi chung là Nước thành viên Hiệp định CPTPP);

b) Ký kết, áp dụng Hiệp định EVFTA (sau đây gọi là Nước thành viên Hiệp định EVFTA);

c) Ký kết, áp dụng Hiệp định UKVFTA (sau đây gọi là Nước thành viên Hiệp định UKVFTA).

3. Dịch vụ xây dựng là dịch vụ thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật xây dựng, gồm dịch vụ quy định tại mục 51 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (CPC) của Liên Hợp quốc.

4. Dịch vụ bao gồm dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ xây dựng.

5. Đấu thầu nội khối là hoạt động đấu thầu mà chỉ có nhà thầu của nước thành viên quy định tại khoản 2 Điều này được tham dự thầu.

6. Nhà thầu nội khối là tổ chức được thành lập theo pháp luật của Nước thành viên hoặc là cá nhân mang quốc tịch Nước thành viên tham dự thầu tại Việt Nam.

7. Mua sắm công là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc kết hợp hàng hóa và dịch vụ vì mục đích công và không nhằm mục đích bán hay bán lại mang tính thương mại hoặc sử dụng trong việc sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ vì mục đích bán hay bán lại mang tính thương mại.

8. Các từ ngữ không được quy định tại Điều này được giải thích theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 4. Đấu thầu nội khối

1. Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này, cơ quan mua sắm được quyền chọn tổ chức đấu thầu nội khối hoặc đấu thầu quốc tế.

2. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối đối với gói thầu cung cấp dịch vụ, cơ quan mua sắm thực hiện như sau:

a) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này thì chỉ nhà thầu nội khối được tham dự thầu, trừ trường hợp gói thầu quy định tại điểm c khoản này;

b) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, cơ quan mua sắm quyết định nhà thầu nội khối được tham dự thầu hoặc chỉ nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP được tham dự thầu;

c) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ thuộc mã CPC 75231 (các dịch vụ mạng dữ liệu), CPC 75232 (các dịch vụ thông tin và tin nhắn điện tử), CPC 84 (dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan) quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP được tham dự thầu hoặc chỉ nhà thầu trong nước tham dự thầu;

d) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định nhà thầu nội khối được tham dự thầu hoặc chỉ nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA được tham dự thầu.

3. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, cơ quan mua sắm thực hiện như sau:

a) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này, chỉ nhà thầu nội khối được tham dự thầu. Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ tất cả Nước thành viên và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại Nước thành viên và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác;

b) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định nhà thầu nội khối được tham dự thầu hoặc chỉ nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP được tham dự thầu. Trường hợp nhà thầu nội khối được tham dự thầu, hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ tất cả Nước thành viên và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại Nước thành viên và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác. Trường hợp chỉ có nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP được tham dự thầu, hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ các Nước thành viên Hiệp định CPTPP và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại các Nước thành viên Hiệp định CPTPP và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác;

c) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định nhà thầu nội khối được tham dự thầu hoặc chỉ nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA được tham dự thầu. Trường hợp nhà thầu nội

khối được tham dự thầu, hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ tất cả Nước thành viên và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại Nước thành viên và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác. Trường hợp chỉ có nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA được tham dự thầu, hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác.

4. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối đối với gói thầu hỗn hợp, cơ quan mua sắm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này (đối với yêu cầu về nhà thầu) và khoản 3 Điều này (đối với yêu cầu về xuất xứ hàng hóa).

Điều 5. Nguyên tắc chung áp dụng đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này

1. Đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử

Trừ trường hợp được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước quy định tại Điều 10 của Nghị định này, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ:

a) Đối xử bình đẳng giữa hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của các Nước thành viên với hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu trong nước;

b) Đối xử bình đẳng giữa hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của các Nước thành viên;

c) Đối xử bình đẳng giữa các nhà thầu trong nước với nhau, không phụ thuộc vào việc nhà thầu có cổ phần, vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài hoặc phụ thuộc về mặt tổ chức với nước ngoài.

2. Quy tắc xuất xứ

Xuất xứ của hàng hóa trong gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này được xác định theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

3. Biện pháp ưu đãi trong nước

Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, cơ quan mua sắm được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Điều 6. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của cơ quan nhà nước, cơ quan có thẩm quyền ở bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào;

b) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

4. Nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.

Điều 7. Thông tin về đấu thầu

Việc đăng tải thông tin về đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Nội dung thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, thông báo mời thầu bao gồm cả thông tin xác định gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP hoặc Hiệp định EVFTA hoặc Hiệp định UKVFTA.

Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu

1. Đối với đấu thầu nội khối, ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu là tiếng Việt.

2. Đối với đấu thầu quốc tế, ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.

Điều 9. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu

1. Đối với đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn, thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển tối thiểu là 25 ngày, kể từ ngày đăng tải thông báo mời quan tâm hoặc thông báo mời sơ tuyển đến ngày có thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp khẩn cấp mà cơ quan mua sắm xác định khoảng thời gian này là không khả thi thì thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển có thể giảm xuống tối thiểu là 10 ngày.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày đăng tải thông báo mời thầu (đối với đấu thầu rộng rãi không lựa chọn danh sách ngắn) hoặc gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn (đối với đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn) đến ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp cơ quan mua sắm tiếp nhận hồ sơ dự thầu qua mạng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 25 ngày.

3. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 10 ngày nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp khẩn cấp mà cơ quan mua sắm xác định thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều này là không khả thi;

b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa, tương đương nhau về chất lượng và có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng;

c) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản và có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng.

Điều 10. Biện pháp ưu đãi trong nước và lộ trình áp dụng

1. Đối với gói thầu được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước, cơ quan mua sắm có thể áp dụng một hoặc các biện pháp ưu đãi sau đây:

a) Yêu cầu nhà thầu phải chào thầu và cung cấp hàng hóa xuất xứ trong nước đối với những hàng hóa mà trong nước đã sản xuất được và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, giá;

b) Yêu cầu nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 26 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định số 214/2025/NĐ-CP);

c) Yêu cầu nhà thầu nước ngoài chuyển giao công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu phát triển và các biện pháp ưu đãi khác khi trúng thầu tại Việt Nam;

d) Ưu đãi đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình;

đ) Trường hợp sau khi đánh giá, nhà thầu Việt Nam và nhà thầu nước ngoài được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì ưu tiên nhà thầu Việt Nam được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp áp dụng quy định tại điểm này mà có từ hai nhà thầu Việt Nam trở lên thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Nghị định này;

e) Áp dụng ưu đãi theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và i khoản 1, các điểm a, b, c và d khoản 2 và các điểm a, b khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu và các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục III kèm theo Nghị định này, việc áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước được thực hiện theo lộ trình như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029, tổng giá trị ưu đãi trong nước trong một năm không vượt quá 40% tổng giá hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2038, tổng giá trị ưu đãi trong nước trong một năm không vượt quá 30% tổng giá hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2038 trở đi, cơ quan mua sắm không được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

3. Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, việc áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước được thực hiện theo lộ trình sau đây:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029, tổng giá trị ưu đãi trong nước trong một năm không vượt quá 40% tổng giá hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2044, tổng giá trị ưu đãi trong nước trong một năm không vượt quá 30% tổng giá hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;

c) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2044 trở đi, cơ quan mua sắm không được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 11. Ưu đãi đối với hàng hóa, nhà thầu nội khối khi đấu thầu quốc tế

1. Cơ quan mua sắm xem xét, quyết định việc áp dụng ưu đãi đối với nhà thầu nội khối và hàng hóa có xuất xứ từ các Nước thành viên đối với các gói thầu không áp dụng ưu đãi trong nước quy định tại Điều 10 của Nghị định này. Trường hợp áp dụng ưu đãi thì thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi:

a) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu quốc tế để cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất tại các Nước thành viên chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên;

b) Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, hỗn hợp, đối tượng được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu quốc tế bao gồm: nhà thầu nội khối tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu nội khối khác; nhà thầu liên danh trong đó có thành viên liên danh là nhà thầu nội khối và thành viên này đảm nhận từ 50% trở lên giá trị công việc của gói thầu.

3. Nguyên tắc ưu đãi:

a) Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được áp dụng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất theo quy định của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

b) Đối với gói thầu hỗn hợp, việc tính ưu đãi căn cứ vào tất cả các đề xuất của nhà thầu trong các phần công việc tư vấn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ xây dựng. Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi có đề xuất tổng chi phí từ các Nước thành viên (chi phí tư vấn, hàng hóa, dịch vụ xây dựng) từ 50% trở lên giá trị công việc của gói thầu;

c) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà thầu có đề xuất chi phí từ các Nước thành viên cao hơn hoặc sử dụng nhiều lao động từ các Nước thành viên hơn (tính trên giá trị tiền lương, tiền công chi trả).

4. Việc tính ưu đãi làm cơ sở đánh giá, so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 6 và các khoản 1, 2 Điều 7 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Chương II
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU, HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 12. Hình thức lựa chọn nhà thầu

Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 13. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Giá gói thầu:

a) Việc xác định giá gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu và Điều 18 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

b) Việc tính toán giá gói thầu nhằm xác định gói thầu có thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này hay không phải căn cứ vào tổng giá trị ước tính tối đa của gói thầu trong toàn bộ thời gian thực hiện, bao gồm tất cả loại thù lao, phí, lệ phí, hoa hồng, lợi tức hoặc các nguồn thu khác có thể được chi trả theo hợp đồng; trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm thì phải cộng giá trị của tùy chọn mua thêm vào giá gói thầu để so sánh với ngưỡng giá gói thầu nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này.

2. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

a) Đối với mỗi gói thầu phải xác định cụ thể hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu nội khối hoặc quốc tế, áp dụng hoặc không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng;

b) Đối với dự án áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, ghi theo nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

3. Các nội dung khác trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Điều 14. Quy trình chi tiết

1. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối, việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện qua mạng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy trình quy định tại Nghị định này, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và theo lộ trình quy định tại khoản 4 Điều 18 của Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 98 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp tổ chức đấu thầu quốc tế, việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện không qua mạng theo quy trình quy định tại Nghị định này và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu

1. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu, nội dung hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Hồ sơ mời thầu không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng; không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng ký kết, thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với cơ quan mua

sắm của một quốc gia, vùng lãnh thổ cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trong lãnh thổ của quốc gia, vùng lãnh thổ đó như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

2. Đối với nội dung công việc xây lắp thuộc gói thầu xây lắp, EC, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật không được đưa ra yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác.

3. Quy định về nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa:

Trừ trường hợp áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định tại khoản 1 Điều 10 và đấu thầu nội khối theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định này, hồ sơ mời thầu không được nêu yêu cầu về xuất xứ cụ thể của hàng hóa. Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ "hoặc tương đương" sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

Chương III
XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

Điều 16. Xử lý tình huống

1. Trường hợp dự toán được duyệt sau khi có kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm căn cứ xác định gói thầu có thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

2. Trường hợp khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu không thể xác định giá trị ước tính tối đa của một gói thầu trong toàn bộ thời gian thực hiện thì gói thầu đó thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, trừ trường hợp được loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định này.

3. Trường hợp cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục kèm theo Nghị định này được đổi tên, chia, tách thì cơ quan đó được xác định là cơ quan mua sắm thuộc các Phụ lục này.

Trường hợp cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục kèm theo Nghị định này được sáp nhập, hợp nhất thì gói thầu của đơn vị sau sáp nhập, hợp nhất nhằm mục đích thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trước khi sáp nhập, hợp nhất phải tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Nghị định này. Đối với gói thầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị trước sáp nhập, hợp nhất hoặc triển khai trên địa bàn hành chính của đơn vị trước sáp nhập, hợp nhất mà đơn

vị đó không thuộc các Phụ lục này hoặc thuộc các trường hợp được loại trừ theo quy định tại Nghị định này thì gói thầu đó không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này (sau đây gọi là phần công việc không thuộc phạm vi điều chỉnh). Trường hợp không thể tách phần công việc không thuộc phạm vi điều chỉnh thành một gói thầu riêng mà hình thành gói thầu bao gồm phần công việc không thuộc phạm vi điều chỉnh và phần công việc thuộc phạm vi điều chỉnh thì phải tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp cơ quan mua sắm hoặc đơn vị trực thuộc cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục kèm theo Nghị định này được chuyển sang cơ quan, tổ chức khác quản lý thì cơ quan mua sắm, đơn vị trực thuộc cơ quan mua sắm vẫn được xác định là cơ quan mua sắm thuộc các Phụ lục này.

4. Ngoài trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, khi phát sinh tình huống khác, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm của bộ, ngành và các cơ quan có liên quan

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Công bố ngưỡng giá gói thầu áp dụng Nghị định này tính theo đồng Việt Nam trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Ban hành mẫu hồ sơ đấu thầu;

c) Hướng dẫn thực hiện các nội dung cần thiết khác của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu thực hiện Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA và quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc đấu thầu thuốc theo quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA.

3. Cơ quan mua sắm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước, bảo vệ đạo đức, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ cuộc sống, sức khỏe của con người, động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; tổ chức hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ của người khuyết tật, người đang chấp hành án phạt tù, tổ chức nhân đạo, tổ chức phi lợi nhuận và các biện pháp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, trường hợp có nội dung không phù hợp với quy định của Nghị định này thì phải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu cho phù hợp.

2. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng có thời điểm đóng thầu sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa đến thời điểm đóng thầu, trường hợp có nội dung không phù hợp hoặc trái với quy định của Nghị định này thì phải sửa đổi cho phù hợp. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu.

3. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã mở thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định CPTPP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 09/2022/NĐ-CP, Nghị định số 17/2025/NĐ-CP.

4. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối, việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Nghị định số 95/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 09/2022/NĐ-CP, Nghị định số 17/2025/NĐ-CP) hết hiệu lực thi hành.

3. Đối với các nội dung không quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan, bảo đảm không trái với quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA. Trường hợp Nghị định số 214/2025/NĐ-CP có quy định khác với các quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản được dẫn chiếu, trừ trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế không phù hợp với quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

Phụ lục I

GÓI THẦU THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA HIỆP ĐỊNH CPTPP, HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA

(Kèm theo Nghị định số 374/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

1. Ngưỡng giá gói thầu

1.1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 2.1 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 1.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 500.000 SDR;

c) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 260.000 SDR;

d) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 130.000 SDR.

1.2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 2.1 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029: 20.000.000 SDR;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 16.300.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 10.000.000 SDR;

d) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 8.500.000 SDR;

đ) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 5.000.000 SDR.

1.3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 2.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 2.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 1.500.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 1.000.000 SDR.

1.4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 2.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 25.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 20.000.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 15.000.000 SDR.

1.5. Đối với gói thầu mua thuốc của các bệnh viện liệt kê tại điểm đ khoản 2.2 Phụ lục này, ngưỡng giá gói thầu được quy định như sau:

a) Đối với gói thầu mua thuốc của từng bệnh viện có thời gian thực hiện hợp đồng từ một năm trở lên, gói thầu mua thuốc tập trung do Bộ Y tế thay mặt các bệnh viện tổ chức lựa chọn nhà thầu: áp dụng ngưỡng giá gói thầu như quy định tại khoản 1.3 Phụ lục này;

b) Đối với gói thầu mua thuốc của từng bệnh viện có thời gian thực hiện hợp đồng dưới một năm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này: ngưỡng giá gói thầu là 500.000 SDR;

c) Đối với gói thầu chỉ bao gồm một loại thuốc duy nhất: ngưỡng giá gói thầu là 130.000 SDR.

2. Danh sách cơ quan mua sắm

2.1. Cơ quan mua sắm cấp trung ương

Nghị định này chỉ áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan, đơn vị trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương được liệt kê tại Phụ lục này và các cơ quan hành chính trực thuộc ở cấp trung ương của các cơ quan, đơn vị đó.

a) Bộ Tư pháp:

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Hợp tác quốc tế;

- Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

- Văn phòng Bộ;

- Cục Quản lý Thi hành án dân sự;

- Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý;

- Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;

- Cục Pháp luật hình sự - hành chính và Quản lý xử lý vi phạm hành chính;

- Cục Pháp luật dân sự - kinh tế;

- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật;

- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;

- Cục Kế hoạch - Tài chính;

- Cục Hành chính tư pháp;

- Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước;

- Cục Công nghệ thông tin;

- Cục Bổ trợ tư pháp;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Tư pháp và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Tư pháp.

b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Khoa học, Công nghệ, Đào tạo và Môi trường;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Văn phòng Bộ;

- Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện;

- Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam;

- Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại;

- Cục Thể dục thể thao Việt Nam;

- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

- Cục Nghệ thuật biểu diễn;

- Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm;

- Cục Hợp tác quốc tế;

- Cục Du lịch quốc gia Việt Nam;

- Cục Điện ảnh;

- Cục Di sản văn hóa;

- Cục Báo chí;

- Cục Bản quyền tác giả;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên;

- Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ;
- Vụ Bưu chính;
- Văn phòng Bộ;
- Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;
- Cục Viễn thông;
- Cục Thông tin, Thống kê và Đánh giá khoa học;
- Cục Tần số vô tuyến điện;
- Cục Sở hữu trí tuệ;
- Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ;
- Cục Đổi mới sáng tạo;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia;
- Cục An toàn bức xạ và hạt nhân;
- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Bộ Tài chính:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;
- Vụ Quốc phòng, an ninh, đặc biệt (Vụ I);
- Vụ Quản lý quy hoạch;
- Vụ Phát triển hạ tầng;
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Ngân sách nhà nước;
- Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ;
- Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư;
- Vụ Các định chế tài chính;
- Văn phòng;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Cục Thống kê;
- Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;
- Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

- Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;

- Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại;

- Cục Quản lý giá;

- Cục Quản lý đấu thầu;

- Cục Quản lý công sản;

- Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể;

- Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước;

- Cục Kế hoạch - Tài chính;

- Cục Dự trữ nhà nước;

- Cục Đầu tư nước ngoài;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Tài chính và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Tài chính.

đ) Bộ Xây dựng:

- Vụ Vận tải và An toàn giao thông;

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Quy hoạch - Kiến trúc;

- Vụ Quản lý doanh nghiệp;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Vụ Hợp tác quốc tế;

- Văn phòng;

- Cục Y tế Giao thông vận tải;

- Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản;

- Cục Phát triển đô thị;

- Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng;

- Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng;

- Cục Hàng không Việt Nam;

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

- Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;

- Cục Đường sắt Việt Nam;

- Cục Đường bộ Việt Nam;

- Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Xây dựng và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Xây dựng.

e) Bảo hiểm xã hội Việt Nam (đơn vị đặc thù thuộc Bộ Tài chính):

- Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

- Ban Tuyên truyền và Hỗ trợ người tham gia;

- Ban Tổ chức cán bộ;

- Ban Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế;

- Ban Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội;

- Ban Tài chính - Kế toán;

- Ban Quản lý thu và phát triển người tham gia;

- Ban Quản lý đầu tư quỹ;

- Ban Pháp chế;

- Ban Kiểm tra;

- Ban Kiểm toán nội bộ;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

g) Thanh tra Chính phủ:

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Vụ Hợp tác quốc tế;

- Văn phòng;

- Cục Theo dõi, đôn đốc và Xử lý sau thanh tra (Cục XIV);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực y tế, giáo dục (Cục X);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực xây dựng (Cục VII);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, ngoại giao (Cục XI);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực tài chính, ngân hàng (Cục VI);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (Cục VIII);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực nội chính, nội vụ, dân tộc, tôn giáo (Cục V);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực khoa học và công nghệ (Cục XII);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực công thương (Cục IX);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực phía Bắc (Cục I);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực miền Trung (Cục II);

- Cục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực miền Nam (Cục III);

- Cục Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Cục IV);

- Cục Giám sát và Thẩm định (Cục XIII);

- Ban Tiếp công dân trung ương;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Thanh tra Chính phủ và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thanh tra Chính phủ.

h) Bộ Công Thương:

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Phát triển thị trường nước ngoài;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp;

- Vụ Dầu khí và Than;

- Vụ Chính sách thương mại đa biên;

- Văn phòng Bộ;

- Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

- Cục Xúc tiến thương mại;

- Cục Xuất nhập khẩu;

- Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số;

- Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;

- Cục Phòng vệ Thương mại;

- Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp;

- Cục Hóa chất;

- Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

- Cục Điện lực;

- Cục Công nghiệp;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Công Thương và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Công Thương.

i) Bộ Y tế:

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Vụ Hợp tác quốc tế;

- Vụ Bảo hiểm y tế;

- Văn phòng Bộ;

- Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền;

- Cục Quản lý Khám, chữa bệnh;

- Cục Quản lý Dược;

- Cục Phòng bệnh;

- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo;

- Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế;

- Cục Dân số;

- Cục Bảo trợ xã hội;

- Cục Bà mẹ và Trẻ em;

- Cục An toàn thực phẩm;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Y tế và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Y tế.

k) Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Khoa học và Công nghệ;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Vụ Hợp tác quốc tế;

- Văn phòng Bộ;

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

- Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;

- Cục Quản lý tài nguyên nước;

- Cục Quản lý đất đai;

- Cục Môi trường;

- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

- Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;

- Cục Khí tượng thủy văn;

- Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;

- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

- Cục Chuyển đổi số;

- Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường;

- Cục Chăn nuôi và Thú y;

- Cục Biến đổi khí hậu;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

l) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Vụ Học sinh, sinh viên;

- Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh;

- Vụ Giáo dục Phổ thông;

- Vụ Giáo dục Mầm non;

- Vụ Giáo dục Đại học;

- Văn phòng;

- Cục Quản lý chất lượng;

- Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

- Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin;

- Cục Hợp tác quốc tế;

- Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

m) Bộ Nội vụ:

- Vụ Tổ chức phi chính phủ;

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Tổ chức - Biên chế;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Vụ Hợp tác quốc tế;

- Vụ Công tác thanh niên và Bình đẳng giới;

- Vụ Công chức - Viên chức;

- Vụ Chính quyền địa phương;

- Vụ Cải cách hành chính;

- Văn phòng Bộ;

- Cục Việc làm;

- Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước;

- Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

- Cục Quản lý lao động ngoài nước;

- Cục Người có công;

- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Nội vụ và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Nội vụ.

n) Bộ Ngoại giao:

- Vụ Trung Đông - Châu Phi;

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Thông tin Báo chí;

- Vụ Ngoại giao kinh tế;

- Vụ Luật pháp và Điều ước Quốc tế;

- Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương;

- Vụ Đông Bắc Á;

- Vụ Chính sách Đối ngoại;

- Vụ Châu Mỹ;

- Vụ Châu Âu;

- Vụ Ngoại giao đa phương và các vấn đề quốc tế;

- Vụ ASEAN;

- Văn phòng Bộ;

- Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài;

- Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh;

- Cục Quản trị Tài vụ;

- Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa;

- Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại;

- Cục Lãnh sự;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Ngoại giao và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Ngoại giao.

o) Bộ Dân tộc và Tôn giáo:

- Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo;

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Vụ Hợp tác quốc tế;

- Vụ Chính sách;

- Văn phòng;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

p) Bộ Quốc phòng:

- Cục Tài chính;

- Cục Cứu hộ - Cứu nạn.

2.2. Cơ quan mua sắm khác

Gói thầu của cơ quan mua sắm liệt kê tại khoản này không áp dụng đối với tổ chức được thành lập theo pháp luật của Mê-hi-cô hoặc cá nhân mang quốc tịch Mê-hi-cô. Nghị định này không áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập không được liệt kê tại khoản này.

a) Thông tấn xã Việt Nam:

- Văn phòng;

- Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa;

- Trung tâm Thông tin Thông tấn xã Việt Nam khu vực phía Nam;

- Trung tâm Thông tin Thông tấn xã Việt Nam khu vực miền Trung - Tây Nguyên;

- Trung tâm Kỹ thuật Thông tấn;

- Ban Tổ chức - Cán bộ;

- Ban Thư ký biên tập và Quan hệ đối ngoại;

- Ban Kế hoạch - Tài chính;

- Ban Biên tập tin Trong nước;

- Ban Biên tập tin Thế giới;

- Ban Biên tập tin Kinh tế;

- Ban Biên tập tin Đối ngoại;

- Ban Biên tập ảnh;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Thông tấn xã Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thông tấn xã Việt Nam.

b) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Quản lý khoa học;
- Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Các trường chính trị;
- Viện Văn hóa và Phát triển;
- Viện Triết học;
- Viện Quyền con người;
- Viện Nhà nước và Pháp luật;
- Viện Lịch sử Đảng;
- Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường;
- Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng;
- Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học;
- Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế;
- Tạp chí Lý luận chính trị;
- Ban Thanh tra;
- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

c) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam:

- Viện Xã hội học và Tâm lý học;
- Viện Văn học;
- Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam;
- Viện Triết học;
- Viện Thông tin Khoa học xã hội;
- Viện Sử học;
- Viện Nhà nước và Pháp luật;
- Viện Ngôn ngữ học;
- Viện Nghiên cứu Văn hóa;
- Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi;
- Viện Nghiên cứu Hán - Nôm;

- Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới;

- Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ;

- Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương;

- Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới;

- Viện Kinh tế và Chính trị thế giới;

- Viện Khảo cổ học;

- Viện Dân tộc học và Tôn giáo học;

- Văn phòng;

- Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam;

- Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học xã hội;

- Học viện Khoa học xã hội;

- Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam;

- Ban Tổ chức - Cán bộ;

- Ban Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế;

- Ban Kế hoạch - Tài chính;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

d) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam:

- Viện Vật lý;

- Viện Toán học;

- Viện Tài nguyên và Môi trường biển;

- Viện Sinh học;

- Viện Khoa học vật liệu;

- Viện Khoa học sự sống;

- Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường;

- Viện Hóa học;

- Viện Hải dương học;

- Viện Công nghệ tiên tiến;

- Viện Công nghệ thông tin;

- Viện Công nghệ môi trường;

- Viện Cơ học;

- Viện Các Khoa học trái đất;

- Văn phòng;

- Trung tâm Vũ trụ Việt Nam;

- Trung tâm Đổi mới sáng tạo công nghệ cao;

- Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

đ) Các bệnh viện trung ương:

- Bệnh viện Bạch Mai;

- Bệnh viện Chợ Rẫy;

- Bệnh viện Trung ương Huế;

- Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên;

- Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ;

- Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam;

- Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí;

- Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới;

- Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức;

- Bệnh viện E;

- Bệnh viện Hữu nghị;

- Bệnh viện Thống Nhất;

- Bệnh viện C Đà Nẵng;

- Bệnh viện K;

- Bệnh viện Nhi Trung ương;

- Bệnh viện Phụ sản Trung ương;

- Bệnh viện Mắt Trung ương;

- Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương;

- Bệnh viện Nội tiết Trung ương;

- Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội;

- Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bệnh viện 71 Trung ương;

- Bệnh viện 74 Trung ương;

- Bệnh viện Phổi Trung ương;

- Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1;

- Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2;

- Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa;

- Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập;

- Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Trung ương;

- Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương;

- Bệnh viện Da liễu Trung ương;

- Bệnh viện Lão khoa Trung ương;

- Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương;

- Bệnh viện Châm cứu Trung ương;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc các bệnh viện nêu trên.

Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước, các cơ quan mua sắm liệt kê tại điểm đ khoản 2.2 Phụ lục này được tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

3. Danh mục dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn

a) Dịch vụ được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA (trường hợp đấu thầu nội khối theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này, nhà thầu nội khối được tham dự thầu):

Mã CPC	Mô tả
61	Dịch vụ bán, bảo trì và sửa chữa ô tô và xe máy
64	Dịch vụ nhà hàng và khách sạn
862	Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ
863	Dịch vụ thuế
864	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng
872	Dịch vụ cung cấp và bố trí nhân sự
874	Dịch vụ lau dọn các tòa nhà
87501	Dịch vụ chụp ảnh chân dung
87503	Dịch vụ chụp ảnh hành động

87504	Dịch vụ chụp ảnh đặc biệt
87505	Dịch vụ xử lý ảnh
87506	Dịch vụ xử lý phim hoạt hình không liên quan tới ngành phim hoạt hình và truyền hình
87507	Dịch vụ phục hồi, sao chép và chỉnh sửa ảnh
87509	Các dịch vụ nhiếp ảnh khác
876	Dịch vụ đóng gói
87903	Dịch vụ trả lời điện thoại
87904	Dịch vụ sao chụp
87905	Dịch vụ phiên dịch và biên dịch
87906	Dịch vụ gửi thư hoặc thu thập danh sách gửi thư
980	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình
99	Dịch vụ do các tổ chức và cơ quan xuyên quốc gia cung cấp

b) Dịch vụ được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP (trường hợp đấu thầu nội khối theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định nhà thầu nội khối được tham dự thầu hoặc chỉ có nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP được tham dự thầu):

Mã CPC	**Mô tả**
75231	Các dịch vụ mạng dữ liệu
75232	Các dịch vụ thông tin và tin nhắn điện tử
84	Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan
94	Dịch vụ xử lý nước thải, xử lý rác thải, dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ môi trường khác (ngoại trừ việc thu gom rác trong văn phòng của các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh)
97	Các dịch vụ khác (ngoại trừ 97030 - Dịch vụ tang lễ, hỏa táng, tổ chức tang lễ và 97090 - các dịch vụ khác)

c) Dịch vụ được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA (trường hợp đấu thầu nội khối theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định nhà thầu nội khối được tham dự thầu hoặc chỉ có nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA được tham dự thầu):

Mã CPC	Mô tả
841	Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính
845	Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính
849	Các dịch vụ máy tính khác

4. Danh mục dịch vụ xây dựng

Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng đối với tất cả dịch vụ xây dựng được liệt kê trong Mục 51 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (CPC) của Liên hợp quốc tại địa chỉ:

https://www.wto.org/english/tratop_e/serv_e/cpc_provisional_complete_e.pdf

5. Danh mục hàng hóa

Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng đối với tất cả hàng hóa, trừ các hàng hóa sau đây:

Mã HS2012	Mô tả
10.06	Lúa gạo
27.09	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô
27.10	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải
49.01	Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm in tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn
49.02	Báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo

49.05	Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in
49.07	Các loại tem bưu chính, tem thuế hoặc tem tương tự đang được lưu hành hoặc mới phát hành, chưa sử dụng tại nước mà chúng có hoặc sẽ có giá trị, mệnh giá được công nhận; giấy có dấu tem sẵn; các loại giấy bạc (tiền giấy); mẫu séc; chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu và các loại tương tự
8517.61	Trạm thu phát gốc
8525.50	Thiết bị phát
8525.60	Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu
85.26	Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến
8527.13	Máy khác kết hợp với máy ghi hoặc tái tạo âm thanh
8527.19	Máy thu có chức năng lập sơ đồ, quản lý và giám sát phổ điện từ Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thể rắn, "thẻ thông minh" và các phương tiện lưu giữ thông tin khác để ghi âm hoặc ghi các hiện tượng khác

Khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, cơ quan mua sắm chịu trách nhiệm quy đổi Mã HS2012 sang mã HS tương đương theo quy định hiện hành.

6. Đối với Bộ Quốc phòng

Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Nghị định này đối với các gói thầu trong danh mục nêu tại Phụ lục kèm theo Chương 15 của Hiệp định CPTPP, Phụ lục kèm theo Chương 9 của Hiệp định EVFTA và quy định tương ứng của Hiệp định UKVFTA.

7. Gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA:

a) Gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn gắn liền với việc quản lý và vận hành các công trình của Chính phủ và công trình thuộc sở hữu tư nhân được sử dụng cho mục đích công;

b) Gói thầu dịch vụ xây dựng trụ sở chính của các cơ quan nêu tại khoản 2.1 Phụ lục này;

c) Gói thầu với mục đích phát triển, bảo vệ, bảo tồn các giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ hoặc di sản văn hóa của quốc gia;

d) Gói thầu mua sắm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm liên quan đến dự trữ quốc gia theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia;

đ) Gói thầu với mục đích tăng cường sức khỏe, phúc lợi, phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội của dân tộc thiểu số;

e) Gói thầu liên quan tới lễ kỷ niệm của quốc gia và liên quan tới mục đích tôn giáo;

g) Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải trong trường hợp dịch vụ vận tải đó là một phần của gói thầu hoặc đi kèm gói thầu;

h) Gói thầu của một cơ quan mua sắm mua từ một cơ quan nhà nước khác;

i) Gói thầu do một cơ quan mua sắm tổ chức lựa chọn nhà thầu thay cho một cơ quan khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;

k) Gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ liên quan đến nghĩa trang liệt sỹ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ);

l) Gói thầu cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư, tư vấn đầu tư, dịch vụ lưu ký và lưu giữ chứng khoán nhằm quản lý và đầu tư tài sản của Quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

m) Gói thầu dịch vụ phục chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

n) Gói thầu liên quan đến việc sản xuất tin tức và phim tài liệu của Thông tấn xã Việt Nam;

o) Gói thầu sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại và các khoản tài trợ của tổ chức hay cá nhân không thuộc danh sách cơ quan mua sắm tại khoản 2 Phụ lục này, khoản 2 Phụ lục II và khoản 2 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

p) Gói thầu dịch vụ xây dựng ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và các đảo nằm ngoài lãnh hải của Việt Nam.

8. Gói thầu dịch vụ xây dựng của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này không mở cửa cho các Nước thành viên Hiệp định CPTPP.

9. Gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP:

a) Gói thầu cung cấp dịch vụ nạo vét;

b) Gói thầu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Phụ lục II

GÓI THẦU CHỈ THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA HIỆP ĐỊNH CPTPP

(Kèm theo Nghị định số 374/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

1. Ngưỡng giá gói thầu

1.1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 2.1 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029: 1.500.000 SDR;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 1.000.000 SDR;

c) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2039: 260.000 SDR;

d) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2039 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2044: 190.000 SDR;

đ) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2044 trở đi: 130.000 SDR.

1.2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 2.1 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029: 32.600.000 SDR;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 16.300.000 SDR;

c) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 trở đi: 8.500.000 SDR.

1.3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 2.2 Phụ lục này là 2.000.000 SDR.

1.4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 2.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029: 55.000.000 SDR;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 40.000.000 SDR;

c) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2039: 25.000.000 SDR;

d) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2039 trở đi: 15.000.000 SDR.

2. Danh sách cơ quan mua sắm

2.1. Cơ quan mua sắm cấp trung ương

Nghị định này chỉ áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan, đơn vị trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ được liệt kê trong Phụ lục này và các cơ quan hành chính trực thuộc ở cấp trung ương của các cơ quan, đơn vị đó.

a) Bộ Khoa học và Công nghệ:

Cục Bưu điện Trung ương, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc.

b) Bộ Tài chính:

- Kho bạc Nhà nước;

- Cục Hải quan;

- Cục Thuế;

- Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Tài chính.

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Cục Viễn thám quốc gia;

- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Bộ Công an:

- Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;

- Cục Cảnh sát giao thông;

- Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Cục Y tế.

2.2. Cơ quan mua sắm khác

Gói thầu của cơ quan mua sắm liệt kê tại khoản này không áp dụng đối với tổ chức được thành lập theo pháp luật của Mê-hi-cô hoặc cá nhân mang quốc tịch Mê-hi-cô:

Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc.

3. Danh mục dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn

Ngoài các dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn được liệt kê tại điểm a khoản 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định này, Hiệp định CPTPP còn áp dụng đối với các dịch vụ được liệt kê dưới đây:

Mã CPC	Mô tả
75231	Các dịch vụ mạng dữ liệu
75232	Các dịch vụ thông tin và tin nhắn điện tử
84	Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan
94	Dịch vụ xử lý nước thải, xử lý rác thải, dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ môi trường khác (ngoại trừ việc thu gom rác trong văn phòng của các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh)
97	Các dịch vụ khác (ngoại trừ 97030 - Dịch vụ tang lễ, hỏa táng, tổ chức tang lễ và 97090 - các dịch vụ khác)

4. Danh mục dịch vụ xây dựng

Hiệp định CPTPP áp dụng đối với tất cả dịch vụ xây dựng được liệt kê trong Mục 51 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (CPC) của Liên hợp quốc tại địa chỉ:

https://www.wto.org/english/tratop_e/serv_e/cpc_provisional_complete_e.pdf

5. Danh mục hàng hóa

a) Đối với các cơ quan mua sắm liệt kê tại khoản 2.1 và khoản 2.2 Phụ lục này, trừ Bộ Công an, Nghị định này áp dụng đối với tất cả hàng hóa, trừ các hàng hóa liệt kê tại khoản 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Đối với Bộ Công an, tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Nghị định này đối với các gói thầu trong danh mục nêu tại Phụ lục kèm theo Chương 15 của Hiệp định CPTPP.

6. Gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP

a) Các gói thầu nêu tại khoản 7 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ nạo vét;

c) Gói thầu dịch vụ xây dựng ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và các đảo nằm ngoài lãnh hải của Việt Nam;

d) Gói thầu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Phụ lục III

GÓI THẦU CHỈ THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA

(Kèm theo Nghị định số 374/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

1. Ngưỡng giá gói thầu

1.1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp địa phương liệt kê tại khoản 2.1 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 2.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 1.500.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 1.000.000 SDR.

1.2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp địa phương liệt kê tại khoản 2.1 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 25.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 20.000.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 15.000.000 SDR.

1.3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 2.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 2.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 1.500.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 1.000.000 SDR.

1.4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 2.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 25.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 20.000.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 15.000.000 SDR.

2. Danh sách cơ quan mua sắm

2.1. Cơ quan mua sắm cấp địa phương

Nghị định này chỉ áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan, đơn vị được liệt kê dưới đây trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hành chính trực thuộc các cơ quan, đơn vị đó.

a) Thành phố Hà Nội:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;

- Sở Khoa học và Công nghệ;

- Sở Nội vụ;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Sở Công Thương;

- Sở Tài chính;

- Sở Xây dựng;

- Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Sở Y tế;

- Sở Văn hóa và Thể thao;

- Sở Du lịch;

- Sở Tư pháp;

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc thành phố Hà Nội và trực thuộc các đơn vị nêu trên của thành phố Hà Nội.

b) Thành phố Hồ Chí Minh:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;

- Sở Nội vụ;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Sở Công Thương;

- Sở Tài chính;

- Sở Xây dựng;

- Sở Khoa học và Công nghệ;

- Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Sở Y tế;

- Sở Văn hóa và Thể thao;

- Sở Du lịch;

- Sở Tư pháp;

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Cơ quan mua sắm khác

Nghị định này không áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập không được liệt kê tại khoản này.

a) Thông tấn xã Việt Nam:

- Trung tâm Nội dung số và Truyền thông;

- Trung tâm Hợp tác quốc tế thông tấn;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thông tấn xã Việt Nam.

b) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

Văn phòng Học viện, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc.

c) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam:

- Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững;

- Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về phát triển (nay thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam);

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

d) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam:

- Ban Tổ chức - Cán bộ và Kiểm tra;

- Ban Kế hoạch - Tài chính;

- Ban Đào tạo và Hợp tác quốc tế;

- Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ;

- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

đ) Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc;

e) Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc.

3. Danh mục dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn

Ngoài các dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn được liệt kê tại điểm a khoản 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định này, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA còn áp dụng đối với các dịch vụ được liệt kê dưới đây:

Mã CPC	Mô tả
841	Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính
845	Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính
849	Các dịch vụ máy tính khác

4. Danh mục dịch vụ xây dựng

Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng đối với tất cả dịch vụ xây dựng được liệt kê trong Mục 51 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (CPC) của Liên hợp quốc tại địa chỉ:

https://www.wto.org/english/tratop_e/serv_e/cpc_provisional_complete_e.pdf

5. Danh mục hàng hóa

Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng đối với tất cả hàng hóa, trừ các hàng hóa liệt kê tại khoản 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định này và hàng hóa sau đây:

Mã HS2012	Mô tả
84.71	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác

6. Gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA:

a) Các gói thầu nêu tại khoản 7 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Gói thầu mua sắm hàng hoá cho mục đích gây giống và gieo trồng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường);

c) Gói thầu chuẩn bị mặt bằng, giải phóng mặt bằng, gói thầu dịch vụ bảo trì và sửa chữa cơ sở hạ tầng của các cơ quan mua sắm cấp địa phương liệt kê tại khoản 2.1 Phụ lục này;

d) Gói thầu mua sắm hàng hoá và cung cấp dịch vụ liên quan tới nghĩa trang liệt sỹ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) thành phố Hà Nội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) Thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Đối với gói thầu có giá gói thầu từ 260.000 SDR trở xuống, trừ gói thầu dịch vụ xây dựng, cơ quan mua sắm có thể ưu đãi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có không quá 500 lao động thường xuyên toàn thời gian;

e) Gói thầu dịch vụ xây dựng ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Việt Nam và ở các đảo của Việt Nam;

g) Gói thầu lưu trữ hoặc đặt máy chủ dữ liệu của Chính phủ và các dịch vụ có liên quan;

h) Gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc dịch vụ được phân loại là an ninh quốc gia, bao gồm cả bí mật nhà nước;

i) Gói thầu cần thiết để bảo vệ thông tin cá nhân được thu thập trong các điều kiện bảo mật hoặc thông tin kinh doanh bí mật.

7. Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước, cơ quan mua sắm liệt kê tại điểm đ và điểm e khoản 2.2 Phụ lục này được tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.